

THÔNG TƯ

**Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương
đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ**

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ tại Công văn số 6354/BNV-CCVC ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Công văn số 1861/BNV-CCVC ngày 26 tháng 4 năm 2019;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công chức làm công tác kế toán tại các cơ quan, tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

2. Công chức làm công tác thuế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính.

3. Công chức làm công tác hải quan tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính.

4. Công chức làm công tác dự trữ quốc gia tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Bộ Tài chính.

Điều 3. Các chức danh và mã số ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ

1. Chức danh và mã số ngạch công chức chuyên ngành kế toán, bao gồm:

a) Kế toán viên cao cấp	Mã số ngạch:	06.029
b) Kế toán viên chính	Mã số ngạch:	06.030
c) Kế toán viên	Mã số ngạch:	06.031
d) Kế toán viên trung cấp	Mã số ngạch:	06.032

2. Chức danh và mã số ngạch công chức chuyên ngành thuế, bao gồm:

a) Kiểm tra viên cao cấp thuế	Mã số ngạch:	06.036
b) Kiểm tra viên chính thuế	Mã số ngạch:	06.037
c) Kiểm tra viên thuế	Mã số ngạch:	06.038
d) Kiểm tra viên trung cấp thuế	Mã số ngạch:	06.039
đ) Nhân viên thuế	Mã số ngạch:	06.040

3. Chức danh và mã số ngạch công chức chuyên ngành hải quan, bao gồm:

a) Kiểm tra viên cao cấp hải quan	Mã số ngạch:	08.049
b) Kiểm tra viên chính hải quan	Mã số ngạch:	08.050
c) Kiểm tra viên hải quan	Mã số ngạch:	08.051
d) Kiểm tra viên trung cấp hải quan	Mã số ngạch:	08.052
đ) Nhân viên hải quan	Mã số ngạch:	08.053

4. Chức danh và mã số ngạch công chức chuyên ngành dự trữ quốc gia, bao gồm:

a) Kỹ thuật viên bảo quản chính	Mã số ngạch:	19.220
b) Kỹ thuật viên bảo quản	Mã số ngạch:	19.221
c) Kỹ thuật viên bảo quản trung cấp	Mã số ngạch:	19.222
d) Thủ kho bảo quản	Mã số ngạch:	19.223
đ) Nhân viên bảo vệ kho dự trữ	Mã số ngạch:	19.224

Điều 4. Tiêu chuẩn chung về phẩm chất

1. Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng; trung thành với Tổ quốc, Đảng và Nhà nước; bảo vệ lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân.
2. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công chức theo quy định của pháp luật; nghiêm túc chấp hành sự phân công nhiệm vụ của cấp trên; tuân thủ pháp luật, kỷ luật, kỷ cương, trật tự hành chính; gương mẫu thực hiện nội quy, quy chế của cơ quan.
3. Tận tụy, trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, khách quan, công tâm; có thái độ đúng mực và xử sự văn hóa trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; không gây khó khăn, phiền hà, tiêu cực, tham nhũng, tham ô, lãng phí.
4. Thường xuyên có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

Chương II

CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ VÀ TIÊU CHUẨN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN

Điều 5. Kế toán viên cao cấp (mã số 06.029)

1. Chức trách

Kế toán viên cao cấp là công chức chuyên môn nghiệp vụ cao nhất trong lĩnh vực kế toán, bố trí đối với các chức danh lãnh đạo cấp Vụ, Cục và tương đương tại các Bộ, ngành ở Trung ương, thực hiện chức năng quản lý về công tác kế toán, giúp lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ chỉ đạo, điều hành và quản lý tổ chức thực hiện hệ thống nghiệp vụ kế toán.

2. Nhiệm vụ

a) Chủ trì nghiên cứu, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về tài chính, kế toán; các đề án chiến lược phát triển công tác kế toán đối với ngành, lĩnh vực;

b) Chủ trì tổ chức việc phối hợp nghiệp vụ của lĩnh vực liên quan giữa các cấp quản lý cùng lĩnh vực của các ngành đảm bảo tính thống nhất đồng bộ trong toàn quốc;

c) Chủ trì xây dựng tài liệu, giáo trình và hướng dẫn đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức làm công tác kế toán;

d) Chủ trì tổ chức, chỉ đạo, thực hiện công tác kế toán, kiểm tra nghiệp vụ kế toán;

đ) Chủ trì tổ chức tổng hợp, đánh giá, phân tích tài chính, rút kinh nghiệm và đề xuất phương án điều chỉnh, sửa đổi hoặc bổ sung về quy trình nghiệp vụ; sửa đổi, bổ sung các quy định về kế toán hiện hành nhằm tổ chức quản lý chặt chẽ có hiệu lực và hiệu quả hơn.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nắm vững quản lý hành chính, cải cách hành chính và chiến lược phát

triển kinh tế - xã hội của Chính phủ, của ngành, lĩnh vực; công tác tổ chức bộ máy của đơn vị và các quy định của pháp luật về kế toán;

b) Hiểu rõ và tuân thủ Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, các chế độ tài chính kế toán của nhà nước, luật pháp quốc tế liên quan đến công tác kế toán của ngành, lĩnh vực và các chế độ kế toán cụ thể áp dụng trong các ngành, lĩnh vực;

c) Có năng lực đề xuất, tham mưu hoạch định chính sách, chủ trì xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, đề án liên quan đến công tác kế toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

d) Có chuyên môn sâu, rộng về lý luận và thực tiễn về nghiệp vụ kế toán, phương pháp và xu hướng phát triển của công tác kế toán, kiểm toán trong nước và quốc tế;

đ) Có năng lực nghiên cứu khoa học và tổ chức chỉ đạo ứng dụng tiến bộ kỹ thuật hiện đại để cải tiến hệ thống quản lý nghiệp vụ kế toán.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

b) Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc cử nhân chính trị hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận tương đương cao cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền;

c) Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kế toán viên cao cấp;

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

đ) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

5. Đối với công chức dự thi nâng ngạch kế toán viên cao cấp thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3, 4 Điều này còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trong thời gian giữ ngạch kế toán viên chính hoặc tương đương đã chủ trì xây dựng ít nhất 02 (hai) văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh trong lĩnh vực tài chính, kế toán đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu, cụ thể như sau:

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật và đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mà theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không bắt buộc phải thành lập Ban soạn thảo thì phải có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng của người có thẩm quyền.

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo đề tài, đề án, chương trình, dự án cấp Bộ, ngành hoặc cấp tỉnh và đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc phê duyệt.

b) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác kế toán. Công chức dự thi nâng ngạch kế toán viên cao cấp phải đang giữ ngạch kế toán viên chính và có thời gian giữ ngạch kế toán viên chính hoặc tương đương từ đủ 6 năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kế toán viên chính tối thiểu 1 năm (đủ 12 tháng).

Điều 6. Kế toán viên chính (mã số 06.030)

1. Chức trách

Kế toán viên chính là công chức chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ quan, tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ cấp huyện trở lên, thực hiện chức năng quản lý về công tác kế toán, giúp lãnh đạo đơn vị chỉ đạo, điều hành và quản lý nghiệp vụ kế toán ở đơn vị hoặc tổ chức thực hiện công tác kế toán tại đơn vị.

2. Nhiệm vụ

a) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về kế toán; xét duyệt hệ thống kế toán và chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị, ngành hoặc lĩnh vực kế toán nhà nước;

b) Tổ chức tổng hợp, đánh giá, phân tích tài chính, rút kinh nghiệm và đề xuất phương án điều chỉnh, sửa đổi hoặc bổ sung về quy trình nghiệp vụ, chế độ kế toán áp dụng, tổng hợp báo cáo lên cấp trên;

c) Tổ chức, chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, kiểm tra công tác kế toán và đề xuất các biện pháp chỉ đạo, chấn chỉnh, nhằm đảm bảo việc quản lý thống nhất công tác kế toán của đơn vị, ngành, lĩnh vực;

d) Nghiên cứu, hướng dẫn thực hiện công tác kế toán phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế và yêu cầu quản lý của địa phương, đơn vị, ngành, lĩnh vực;

đ) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng tài liệu, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kế toán viên.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nắm vững quản lý hành chính, cải cách hành chính và phương hướng chủ trương, chính sách của ngành, của đơn vị về lĩnh vực nghiệp vụ kế toán; công tác kế toán của đơn vị và các quy định của pháp luật về kế toán;

b) Hiểu rõ và tuân thủ Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, các quy định của pháp luật khác về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê và thông tin kinh tế có liên quan;

c) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng hoàn thiện thể chế; chủ trì hoặc tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện trong lĩnh vực kế toán; các chế độ kế toán áp dụng trong ngành, lĩnh vực kế toán nhà nước;